

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25/6/2021

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Quốc Thanh, Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “*ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 24/5/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: ấp TB 1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp TH 1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Phạm Văn H, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: ấp VĐ, xã NT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp TH 1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D trình bày: chị và anh Phạm Văn H kết hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè. Sau khi kết hôn, anh chị được ở riêng trong căn nhà của mẹ ruột chị D là bà Tăng Thị Kim Khánh tại ấp Thành Hóa 1, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng từ giữa năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên đi xoa bóp tại các cơ sở không lành mạnh làm ảnh hưởng tình cảm vợ chồng. Từ cuối tháng 01/2021, chị đến thành phố Bến Tre thuê nhà trọ để sinh sống và làm thuê cho cửa hàng bán quần áo. Cũng từ thời gian này chị và anh H ly thân. Nay không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung là cháu Phạm Nhã An, sinh ngày 10/02/2017 và Phạm Nhã Anh, sinh ngày 27/4/2019. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh H trực tiếp nuôi cháu An, chị yêu cầu Tòa án cho chị được nuôi cháu Anh do cháu Anh còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Anh và chị cũng không cấp dưỡng nuôi cháu An, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Hiện tại chị D làm thuê cho cửa hàng bán quần áo, lương mỗi tháng 4.500.000 đồng, ngoài ra chị còn bán nước hoa thông qua mạng xã hội thu nhập mỗi tháng khoảng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, do làm việc không được ký kết hợp đồng lao động, bán hàng qua mạng xã hội cũng không có chứng từ nên chị không cung cấp được tài liệu về thu nhập. Trước khi kết hôn với anh H, có thời gian chị đi làm công nhân tại công ty anh H đang làm việc; khi kết hôn, sinh con thì chị ở nhà trực tiếp chăm sóc cho hai con và cũng làm nhiều việc khác để tăng thu nhập như bán ăn sáng tại nhà, bán hàng qua mạng xã hội, giữ trẻ, có lúc thì đi làm thuê tại tiệm bán trà sữa.

Về quan hệ giữa chị và mẹ ruột là bà Tăng Thị Kim Khánh thì cả hai không có mâu thuẫn, tình cảm mẹ con vẫn bình thường. Chị thừa nhận có một vài lần chị đi đám tiệc cùng bạn bè đến 23 giờ đêm nhưng chị đều có báo với gia đình để nhờ anh H và bà Khánh giúp chị chăm sóc con. Một vài lần chị mời bạn bè về nhà để ăn uống, anh H cũng đồng ý và tham gia cùng chị. Chị không biết vì lý do gì bà Khánh lại cho rằng chị thường xuyên đi về khuya và nghiện thuốc lá điện tử và chị không đồng ý về nhận xét này của bà Khánh.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định giữa chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:* Anh H thống nhất với lời trình bày của chị D về điều kiện, thời gian kết hôn. Quá trình chung sống cả hai chỉ có mâu thuẫn nhỏ, anh thừa nhận có đi xoa bóp 02 lần nhưng không làm gì có lỗi với vợ. Anh H không biết vì lý do gì mà chị D bỏ nhà đi, nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung, anh H thống nhất với lời trình bày của chị D là anh chị có 02 con chung, từ khi chị D bỏ đi đến nay, cả hai con do anh trực tiếp nuôi dưỡng và cả hai cháu vẫn đang phát triển bình thường. Nay anh yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con vì chị D không có nghề nghiệp và thường xuyên chơi bời cùng bạn bè nên không chăm sóc được cho con trong khi anh có công việc ổn định, làm thủ kho cho công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Âu Việt FURNITURE, thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định giữa anh và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về

nội dung vụ án, thấy rằng chị D và anh H thuận tình ly hôn nên căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương D và anh Phạm Văn H. Về nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được trực tiếp nuôi cháu Phạm Nhã An, sinh ngày 10/02/2017, chị D được trực tiếp nuôi cháu Phạm Nhã Anh, sinh ngày 27/4/2019, ghi nhận anh H và chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị D và anh H trong cùng vụ án do các đương sự tự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương D đối với anh Phạm Văn H, thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương D và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hiện chị D vẫn giữ yêu cầu ly hôn với lý do không còn tình cảm với anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] Về nuôi con chung: Xét yêu cầu được nuôi cháu Phạm Nhã Anh của chị D thấy rằng, chị D và anh H có 02 con chung là cháu Phạm Nhã An, sinh ngày 10/02/2017 và Phạm Nhã Anh, sinh ngày 27/4/2019 hiện do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai con của anh H và chị D còn rất nhỏ, nhất là cháu Phạm Nhã An rất cần sự chăm sóc của mẹ. Thấy rằng, mặc dù điều kiện về kinh tế của anh H là tốt hơn so với chị D nhưng chị D vẫn có điều kiện để nuôi con. Khi còn sống chung, anh H đi làm tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Âu Việt FURNITURE và chị D là người trực tiếp chăm sóc cho hai con, ngoài ra chị D còn tận dụng thời gian làm các công việc khác để kiếm thêm thu nhập như bán ăn sáng tại nhà, bán hàng qua mạng xã hội, giữ trẻ, có lúc thì đi làm thuê tại tiệm bán trà sữa và anh H cũng nhìn nhận; hiện tại chị D có sức khỏe để nuôi con, chăm sóc được cho con và vẫn đang làm việc tạo thu nhập. Hơn nữa, cháu Phạm Nhã Anh chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D và anh H không tranh chấp về việc nuôi cháu Phạm Nhã An mà thỏa thuận để anh H trực tiếp nuôi dưỡng nên ghi nhận. Ghi nhận chị D và anh H không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con cũng như không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

[4] Về tài sản chung và về nợ chung: chị D và anh H tự xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương D và anh Phạm Văn H.

[2] Về nuôi con chung: anh Phạm Văn H được trực tiếp nuôi con tên Phạm Nhã An, sinh ngày 10/02/2017; chị Nguyễn Thị Phương D được trực tiếp nuôi con tên Phạm Nhã Anh, sinh ngày 27/4/2019 hiện do anh H nuôi dưỡng. Ghi nhận chị D và anh H không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: chị D và anh H tự xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Phương D phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006170 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS ND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Ninh Thới số 06 (22/01/2016);
- Lưu HS, VP (2b).

Lê Thị Lăng